

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST

Ngày 28 tháng 02 năm 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Môn.

2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 và ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng X

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: số 35, H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K - Giám đốc Ngân hàng X - Chi nhánh Bắc Giang. Theo Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng Giám đốc - Ngân hàng X

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Hữu H - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện L - Ngân hàng X - Chi nhánh Bắc Giang. Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 298A/QĐ-QLRR ngày 27/9/2019 của Giám đốc Ngân hàng X - Chi nhánh Bắc Giang. (Có mặt).

Địa chỉ: Ngân hàng X, chi nhánh Bắc Giang, số 02, đường N, phường T, thành

phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị O, Sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Duy V, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Hữu H trình bày:* Ông là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết việc kiện tại Tòa án theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 298A/QĐ-QLRR ngày 27/9/2019 của Giám đốc Ngân hàng X - Chi nhánh Bắc Giang.

Bà Nguyễn Thị O có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Giang - Phòng Giao dịch L số hợp đồng 02/2018/1984584/HĐTD ngày 20/9/2018. Số tiền vay là 500.000.000 đồng; lãi suất vay là 9,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Mục đích vay là kinh doanh than; Thời hạn vay là 08 tháng kể từ ngày 20/9/2018. Hạn trả nợ 20/5/2019. Phương thức thanh toán là gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, tiền lãi trả vào 03 tháng một lần bắt đầu từ ngày 15/12/2018.

Để bảo đảm tiền vay trên, bà O, ông V có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02486 QSDĐ/2769/QĐ-UB (H) do UBND huyện L cấp ngày 23/12/2003 cho hộ ông Đỗ Quang H, chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị O và ông Trần Duy V theo hồ sơ số 001590 ngày 05/8/2013 được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Phòng tài nguyên và môi trường huyện L xác nhận ngày 13/8/2013, cụ thể: Thửa đất số: T; Tờ bản đồ số: T; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Diện tích: 60 m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 60 m², Sử dụng chung: Không m², Mục đích sử dụng: Đất ở, Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Những hạn chế về quyền sử dụng đất (Nếu có): Không. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 235^E/2013/HĐ ngày 29/08/2013.

Ngày 20/5/2019 bà O đã trả được 250.000.000 đồng tiền gốc và 15.876.712 đồng tiền lãi. Từ ngày 20/5/2019 đến nay bà O, ông V không trả cho Ngân hàng thêm khoản gốc và lãi nào. Nay Ngân hàng khởi kiện bà O, ông V phải có trách

nhiệm trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 24/12/2019 là 276.189.521 đồng, trong đó số tiền gốc là 250.000.000 đồng; Tiền lãi là 26.189.521 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 18.544.521 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 7.645.000 đồng). Trường hợp bà O, ông V không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp trên.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị O và ông Trần Duy V phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 27/02/2020 là 282.813.699 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 32.813.699 đồng. Trường hợp bà Nguyễn Thị O và ông Trần Duy V không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp, theo hợp đồng thế chấp đã ký và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/02/2020 đến khi tất toán hợp đồng. Đối với thửa đất bà O, ông V thế chấp nay thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 101, đất có các tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất nhà ông Sơn; phía tây giáp đất của nhà bà O, phía Nam giáp đất nhà ông S; phía Bắc giáp QL 31. Địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải cho bà Nguyễn Thị O và ông Trần Duy V đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bà Nguyễn Thị O và ông Trần Duy V không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không hòa giải được vì bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị không hòa giải.

+ Ngày 23/10/2019, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 60 m² tại thửa đất T, tờ bản đồ T. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 02486 QSDĐ/ 2769/ QĐ-UB (H) do UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 23/12/2003, địa chỉ đất: thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ Tòa án đã thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến gì.

+ Ngày 13/01/2020, Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa.

+ Ngày 10/02/2020, Tòa án mở phiên tòa nhưng cần phải xác minh thu thập thêm tài liệu chứng cứ, Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa

+ Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X và buộc bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V phải trả cho Ngân hàng X số tiền tạm tính đến ngày 27/02/2020 là 282.823.699 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 32.813.699 đồng. Trường hợp bà O, ông V không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông Trần Duy V được miễn án phí theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với việc vắng mặt của bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V thì thấy: Theo như đơn khởi kiện và xác minh tại địa phương thì bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V có địa chỉ tại thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017, thì: “...Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không

thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung...”. Bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V không có mặt tại địa phương và không thông báo địa chỉ cho Ngân hàng là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án thành phố B đã niêm yết toàn bộ giấy tờ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng X và bà Nguyễn Thị O là quan hệ kinh doanh thương mại giữa pháp nhân có đăng ký kinh doanh với cá nhân có đăng ký kinh doanh. Bà Nguyễn Thị O có ký hợp đồng tín dụng số 02/2018/1984584/HĐTD ngày 20/09/2018 với Ngân hàng X vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay là để trả tiền mua than. Thời hạn vay là 08 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/5/2019. Phương thức thanh toán là gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, tiền lãi trả định kỳ 3 tháng một lần. Bà O đã trả được 250.000.000 đồng tiền gốc và 15.876.712 đồng, từ ngày 20/5/2019, bà O không trả được tiền gốc và tiền lãi theo qui định. Do vậy, bà O đã vi phạm thời hạn trả tiền gốc và tiền lãi, nên Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố B giải quyết. Đây là “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận ” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị O và ông Trần Duy V thanh toán số tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 02/2018/1984584/HĐTD ngày 20/09/2018 thì thấy: Ngân hàng X có giải ngân cho bà O vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 08 tháng, lãi suất 9,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả một lần vào cuối kỳ; Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả định kỳ 3 tháng một lần, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 20/05/2019. Số tiền tạm tính đến hết ngày 27/02/2020 là 282.813.699 đồng, trong đó tiền gốc là

250.000.000 đồng, tiền lãi là 32.813.699 đồng. Bà O không trả được tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng, do vậy bà O vi phạm Mục 7 của Hợp đồng tín dụng số 02/2018/1984584/HĐTD ngày 20/09/2018, Ngân hàng khởi kiện bà O là phù hợp với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Bà O vay tiền để kinh doanh, phục vụ kinh tế chung của gia đình, ông Trần Duy V là chồng bà O, vì vậy ông V phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ mà bà O còn nợ Ngân. Ngân hàng yêu cầu bà O và ông V phải có trách nhiệm trả số nợ theo Hợp đồng tín dụng trên là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất không số, tờ bản đồ không số, diện tích 60 m². Địa chỉ thửa đất: Trại 1, P, L, Bắc Giang. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số 02486 QSDĐ/2769/QĐ-UB (H) ngày 23/12/2003. Người sử dụng đất là ông Đỗ Quang H. Ngày 05/8/2013, bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V nhận chuyển nhượng toàn bộ 60 m² thì thấy: Ngày 29/8/2013, bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 235E/2013/HĐ, với nội dung: *“Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp được mô tả tại Điều 2 Hợp đồng này để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đã, đang và sẽ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ các Hợp đồng tín dụng. Hợp đồng cấp bảo lãnh đã và sẽ ký giữa Ngân hàng với Bên thế chấp...”*. Hợp đồng được Văn Phòng công chứng L công chứng số 670, quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/8/2013. Các bên tiến hành các thủ tục thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Qua các tài liệu thu thập được và ý kiến của đương sự thì thửa đất bà O, ông V thế chấp nay thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 101, đất có các tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất nhà ông S; phía tây giáp đất của nhà bà O, phía Nam giáp đất nhà ông S; phía Bắc giáp QL 31. Địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ủy ban nhân dân xã P không nhận được đơn thư khiếu nại tố cáo nào về quyền sử dụng đất của bà O, ông V tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 235E/2013/HĐ ngày 29/8/2013 và phù hợp với Điều 342, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005.

[6] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng X được chấp nhận, do vậy bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nhưng ông Trần Duy V là người cao tuổi, do vậy ông V được miễn toàn bộ án phí là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng đã nộp là 3.000.000 đồng, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, do vậy bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 323; Điều 342; Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V phải trả cho Ngân hàng X số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 02/2018/1984584/HĐTD ngày 20/9/2018 tính đến hết ngày 27/02/2020 là 282.831.699 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu tám trăm ba mươi một nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 32.813.699 đồng.

2.2. Trường hợp bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V không trả được nợ cho Ngân hàng thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật về việc phát mại tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất không số, tờ bản đồ không số, diện tích 60 m². Địa chỉ thửa đất: Trại 1, xã P, huyện L, Bắc Giang. (Nay là thửa thửa 133, tờ bản đồ số 101, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang). Đất đã được ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02486 QSDĐ/2769/QĐ-UB (H) ngày 23/12/2003. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 235E/2013/HĐ ngày 29/8/2013 .

2. 3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 28/02/2020 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4. Về án phí:

2.4.1. Bà Nguyễn Thị O phải chịu 7.070.792 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4.2. Ông Trần Duy V được miễn án phí dân sự sơ thẩm

2.4.3. Hoàn trả Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.684.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000563 ngày 08/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2.5. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng X được nhận lại số tiền này khi bà Nguyễn Thị O, ông Trần Duy V nộp.

2.6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

2.7. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND TP B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự thành phố B;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

Ngô Thị Thanh Hảo